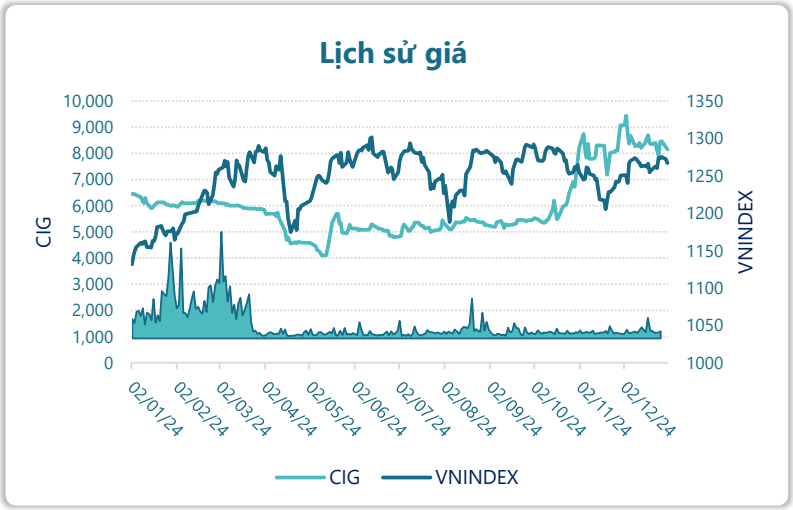
FireAnt

CTCP COMA 18 (HSX: CIG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,440
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	31,539,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	568,510
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	257
P/E	4.1
EPS	2,011

DT thuần

Q4/24

28.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.9| 171%

LN sau thuế

Q4/24

61.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.8| 5068%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

75.4%

+/- YoY: ▲ 81.3%

DT thuần

2024

94.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.3| 42.8%

LN sau thuế

2024

63.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 70.6| 979%

ROE

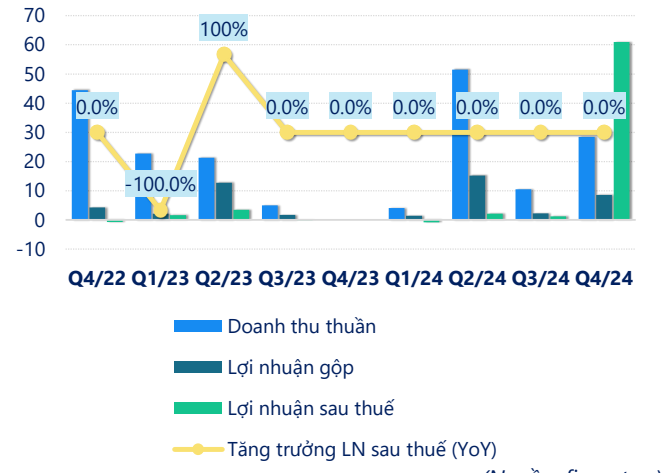
2024

34.4%

+/- YoY: ▲ 39.0%

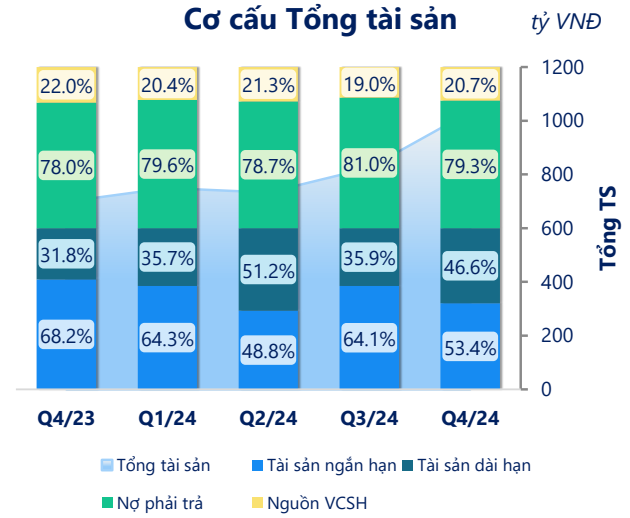
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



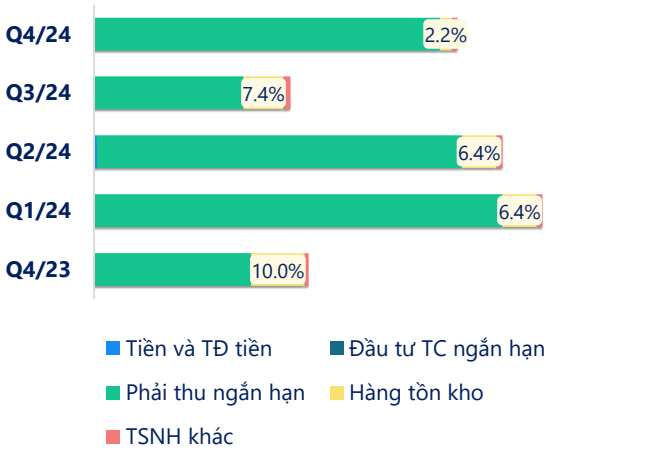
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



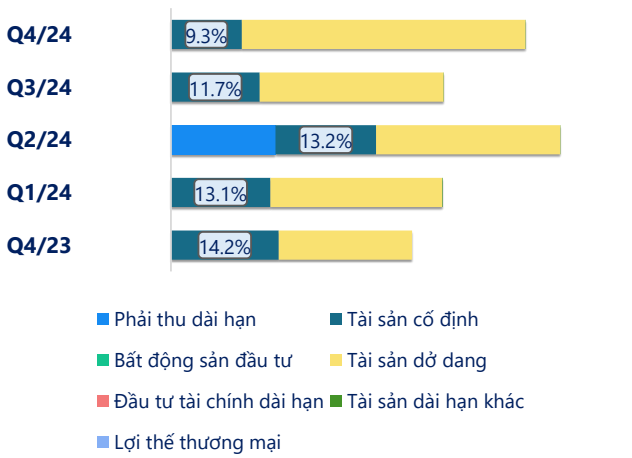
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



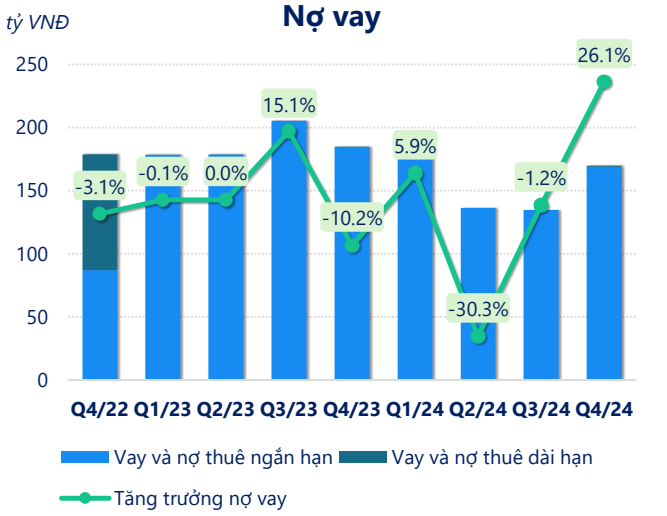
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



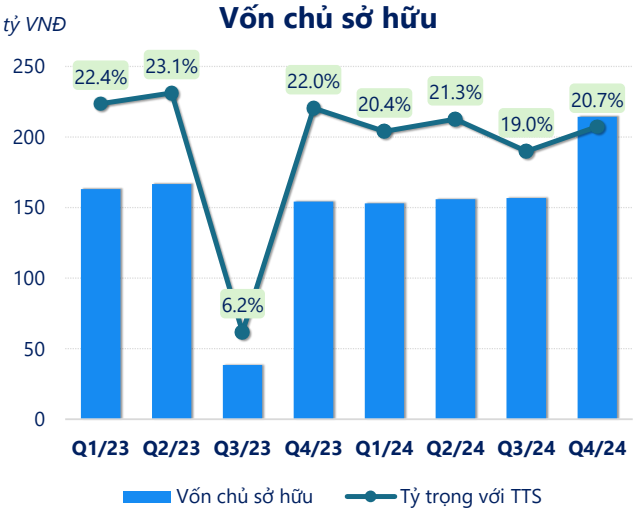
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



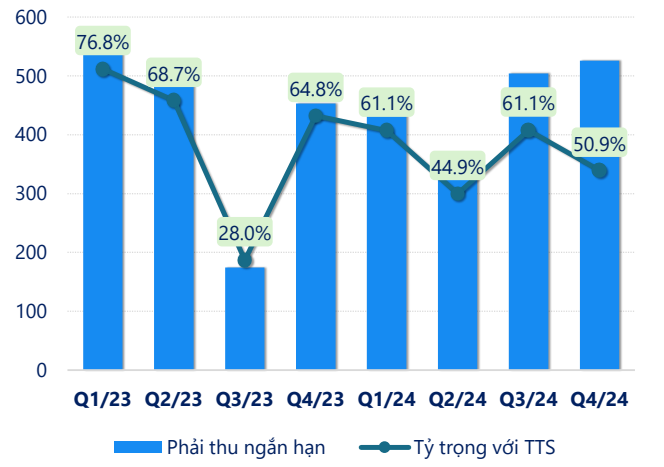
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



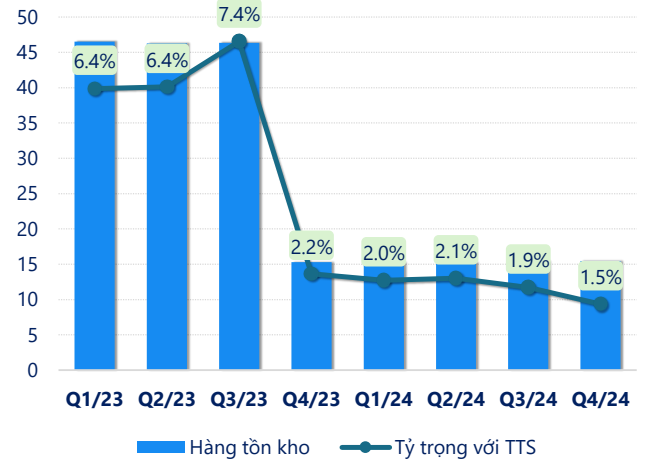
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



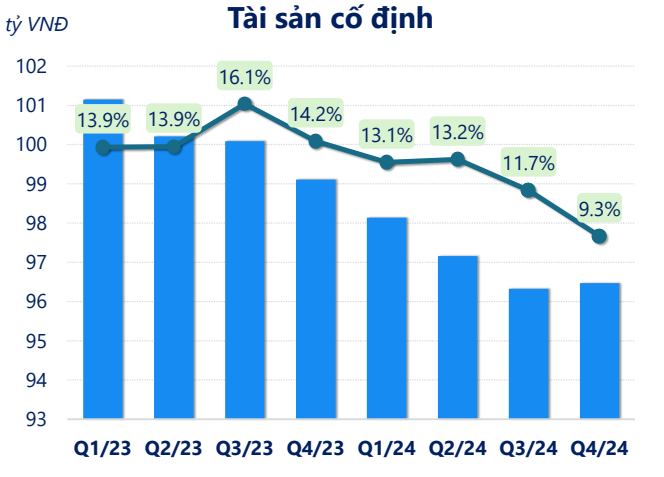
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



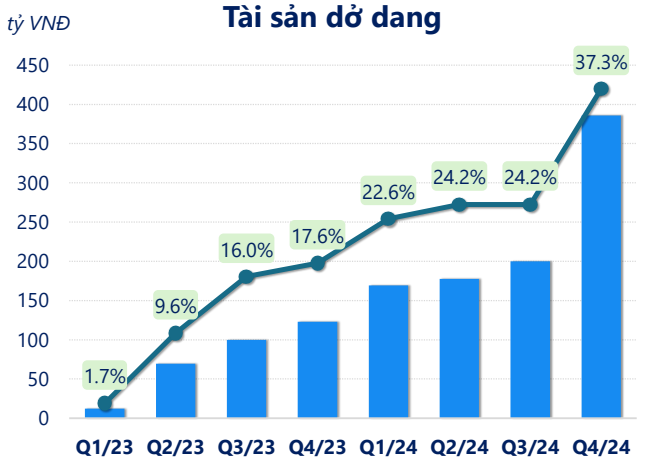
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



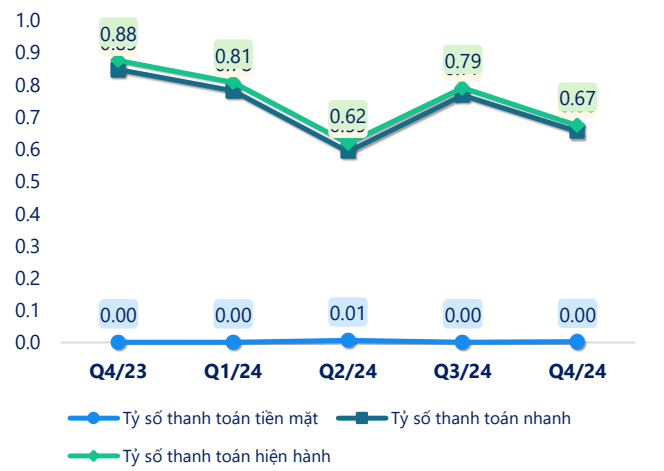
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



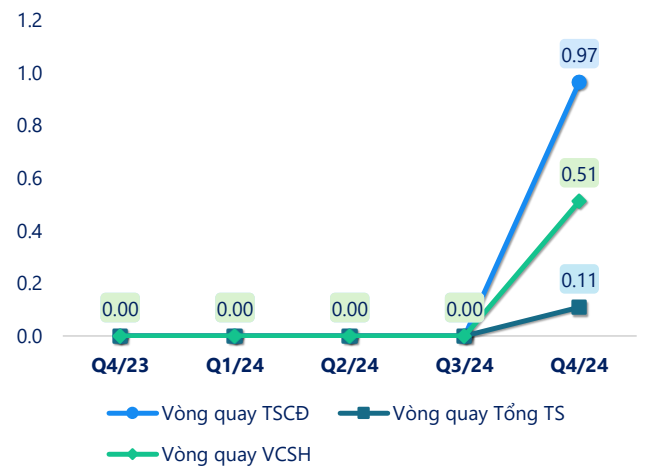
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**699**	**750**	**733**	**825**	**1,034**
Tài sản ngắn hạn	**477**	**482**	**358**	**529**	**552**
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.47	3.84	0.81	2.21
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	453	458	330	504	526
Hàng tồn kho	15.3	15.3	15.3	15.5	15.5
Tài sản ngắn hạn khác	8.08	8.08	8.82	8.25	8.25
Tài sản dài hạn	**222**	**268**	**376**	**296**	**482**
Phải thu dài hạn	0	0	101	0	0
Tài sản cố định	99.1	98.1	97.2	96.3	96.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	123	169	178	200	386
Đầu tư tài chính dài hạn	0	-0.15	0	-0.26	-0.26
Tài sản dài hạn khác	0	0.60	0.03	0.32	0.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**545**	**597**	**577**	**668**	**819**
Nợ ngắn hạn	**545**	**597**	**577**	**668**	**819**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	185	195	136	135	169
Phải trả người bán ngắn hạn	166	157	158	135	68.4
Nợ dài hạn	0.03	0	0.05	0	0.75
Vay và nợ thuê dài hạn	0.01	0	0	0	0.75
Nguồn vốn chủ sở hữu	**154**	**153**	**156**	**157**	**214**
Vốn chủ sở hữu	**154**	**153**	**156**	**157**	**214**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)